TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ K** **TỈNH KONTUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 214/2018/QĐST-HNGĐ.	*Kon Tum, ngày 20 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 423/2018/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018, giữa:

Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 52 Huỳnh Đăng T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Anh Lê Quốc Đ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 176 Nguyễn Hữu T, thành phố K, tỉnh KonTum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1993.

Anh Lê Quốc Đ, sinh năm 1987.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Quốc Đ.

- **Về con chung**: Giao con chung Lê Duy P, sinh ngày 26/03/2015 cho chị chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Lê Quốc Đ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)*. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 8/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Lê Quốc Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự. Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Thu H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con anh Lê Quốc Đ không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng anh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Căn cứ Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002134 ngày 24/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố KonTum. Chị H đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố;
- UBND phường N, tp. K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Quách Văn Nưm